

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HSST
Ngày 21 tháng 7 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Ngọc Tuấn.

Bà Vương Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2023/TLST-HS ngày 20/6/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo.

1. NÔNG ĐỨC M, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 17 tháng 08 năm 1996, tại: Huyện V, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện V, H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, đoàn thể: Là Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 79-QĐ/UBKTHU ngày 29/3/2023 của UBKT Huyện ủy, huyện V; con ông: Nông Văn B1, sinh năm 1973 (đã chết) và con bà Đinh Thị L1, sinh năm 1976; có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ là Diêm Thanh H1, sinh năm 1999 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 27/3/2023 đến ngày 01/4/2023. Hiện bị cáo đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đ, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

2. NGUYỄN THỊ P, tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh năm 1981; nơi sinh: Huyện V, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Đ, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1952 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1957; có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; có chồng là Hoàng Đình Th1, sinh năm 1976 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2008, con thứ hai sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 27/3/2023 đến ngày 01/4/2023. Hiện bị cáo đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đ, huyện V, H (Có mặt).

3. NGUYỄN VĂN T; sinh năm 1995; nơi sinh: huyện V, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn:

12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1953 (*đã chết*) và con bà Vi Thị Th2, sinh năm 1960; có 04 anh chị, em, bị cáo là con thứ tư; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1995; Con: Không; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 20/02/2019 bị Công an huyện V, tỉnh H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Đánh bạc*”; bị tạm giữ từ ngày 27/03/2023 đến ngày 01/4/2023. Hiện bị cáo đang áp dụng Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú tại Đ, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

4. HOÀNG THỊ PH, tên gọi khác: Không; sinh năm 1985; nơi sinh: Huyện V, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn NQ, xã Q, huyện V, H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Hoàng Văn L, sinh năm 1962 (*đã chết*) và con bà Vàng Thị Ch, sinh năm 1961; có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ con: Có chồng là Đặng Thị Nh, sinh năm 1983 (*đã ly hôn*) có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2000, con thứ hai sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 27/03/2023 đến ngày 01/4/2023. Hiện đang áp dụng Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Q, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 55 phút, ngày 27/03/2023, Nông Đức M đi bộ một mình đến nhà Nguyễn Thị P chơi. Khi đến nhà P thì M thấy P cùng Nguyễn Thị Ph đang ngồi chơi với nhau tại gian phòng khách nên cùng vào ngồi uống nước và nói chuyện được một lúc thì có Nguyễn Văn T đến chơi cùng. Trong lúc đang nói chuyện thì M nảy sinh ý định đánh bạc được thua bằng tiền nên nói với mọi người: “*Có làm tí không*”, hiểu ý là M rủ đánh bạc nên P, Ph và T nói “*Có*”, M nói tiếp “*Chơi ở đâu được*”, Ph nói “*Lên nhà mẹ chị đi*”, T nói “*Đi luôn nhá*”, P nói “*Từ từ để chị đi lấy bài đã*”, sau đó P một mình đi bộ ra quán bán hàng tạp hóa “*NhĐ*” ở thôn ĐT, xã Đ mua 01 (*một*) bộ tú lơ khơ 52 (*năm mươi hai*) quân với giá 10.000^d (*mười nghìn đồng*) rồi cất bộ tú lơ khơ vào trong túi quần phía trước, bên phải và quay lại nhà nói với mọi người “*Đi thôi*”. Sau đó P, Ph, M, T cùng nhau đi bộ đến nhà bà Nguyễn Thị T1 (*trú tại thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang – bà T là mẹ đẻ của P* đến nơi thấy bà T1 đang nằm ngủ ở ghế tại gian phòng khách nên P dẫn mọi người vào lên phản trong gian phòng ngủ của bà T1, rồi P lấy bộ tú lơ khơ trong túi quần ra để mọi người đánh bạc bằng hình thức “*Đánh sâm*” được thua bằng tiền với nhau và thống nhất cách chơi cụ thể như sau:

Quá trình đánh bạc P, Ph, M, T sẽ sử dụng 01 (*một*) bộ tú lơ khơ 52 (*năm mươi hai*) quân để chia cho mỗi người chơi 10 (*mười*) quân bài cho từng ván. Khi đánh, nếu ai đánh hết số lá bài trên tay trước thì người đó thắng, những người còn lại thua, tùy thuộc vào quân bài còn lại chưa đánh được thì người thua sẽ phải trả cho người thắng số tiền là 10.000^d (*mười nghìn đồng*)/ 01 quân bài. Đối với trường hợp người

chơi không đi được quân bài nào, còn nguyên 10 (mười) quân bài trên tay (tức là Treo) thì phải trả cho người thắng số tiền là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với trường hợp sau khi chia bài song có người chơi báo “Sâm” (tức là khi người đó đánh bất kể số lượng lượt đánh, lượng quân bài đang có mà những người chơi khác không có ai chặn được cho đến khi hết bài), thì tất cả những người chơi còn lại thua và mỗi người phải trả cho người báo “Sâm” số tiền là 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng). Còn trong trường hợp người chơi báo “Sâm”, nhưng khi đánh bài bị người chơi khác chặn được thì người báo “Sâm” phải trả cho người chặn được số tiền là 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng). P, Ph1, Mạnh, Tuấn đánh sâm đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì bị cơ quan chức năng phát hiện và bắt quả tang, tạm giữ, niêm phong toàn bộ tang vật có liên quan.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 14 giờ 10 phút, ngày 27/03/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện V tạm giữ tại chiếu bạc vật chứng gồm 01 (một) bộ tú lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân, hai mặt trắng, xanh (đã qua sử dụng). Tiền VNĐ: 5.960.000^d (năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra chứng minh số tiền đánh bạc như sau: Nông Đức M là 1.390.000,đ; Nguyễn Thị P là 1.400.000,đ; Nguyễn Văn T là 2.000.000,đ; Hoàng Thị Ph là 1.170.000,đ. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.960.000^d (năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) toàn bộ số tiền trên đã bị thu giữ trong quá trình bắt quả tang.

Tại biên bản xác định hiện trường ngày 02/4/2023 xác định vị trí thực hiện hành vi đánh bạc ngày 27/3/2023, phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ.

Tại kết luận giám định số 113/KL - KTHS ngày 31/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận tổng số 52 tờ tiền VNĐ, trị giá 5.960.000^d là tang vật của vụ án gửi giám định đều là tiền thật.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS-VX ngày 19/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố các bị cáo Nông Đức M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T và Hoàng Thị Ph về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố: Các bị cáo Nông Đức M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T và Hoàng Thị Ph phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Đức M, từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 08 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Ph từ 07 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: số tiền 5.960.000^d (*năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) bộ tú lơ khơ 52 (*năm mươi hai*) quân, hai mặt trắng, xanh (*đã qua sử dụng*)

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Đức M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T, Hoàng Thị Ph phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Nông Đức M, Nguyễn Thị P, Hoàng Thị Ph; Nguyễn Văn T không có tranh luận gì với kiểm sát viên.

Các bị cáo thực hiện lời nói sau cùng đề nghị xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình khó khăn xin được giảm mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:*

Trong quá trình điều tra, truy tố; Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. *Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:* Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt

người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Hội 14 giờ ngày 27/3/2023 các bị cáo Nông Đức M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T, Hoàng Thị Ph có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “sâm” ăn tiền tại nhà bà Nguyễn Thị T1/ ở Thôn L, xã Đ, huyện V, H. Tang vật thu được tại chiều bạc là gồm 5.960.000^d (*năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) Tiền VNĐ; 01 (*một*) bộ tú lơ khơ 52 (*năm mươi hai*) quân, hai mặt trắng, xanh (*đã qua sử dụng*). Trong vụ án này có 04 bị cáo tham gia không có sự tổ chức, không có câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò giữa các bị cáo. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội *Đánh bạc* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội*: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức để biết hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật. Nhưng xuất phát từ mong muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính, bất chấp các quy định của pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh sâm, để nhằm thu lợi bằng tiền đã thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước, nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mình đã gây ra. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào hành vi, nhân thân và số tiền của mỗi bị cáo dùng đánh bạc để đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Qua phân xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ, không có sự bàn bạc trước, nhưng các bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội và đều là người thực hành do ham chơi nên đã có hành vi phạm tội.

[5] Hành vi khởi sướng việc đánh bạc của Nông Đức M và hành vi của Nguyễn Thị P trực tiếp đi mua tú dùng cho việc đánh bạc và là người đưa các bị cáo khác đến nhà mẹ đẻ của mình để cùng nhau thực hiện việc đánh bạc trong vụ án này mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ và phân công nhiệm vụ, cử người canh gác giữa những người cùng thực hiện tội phạm, không thu tiền hồ hoặc khoản tiền gì khác để đảm bảo cho việc đánh bạc; bị cáo M không thu lợi trực tiếp từ việc khởi sướng, bị cáo Ph không thu lợi từ sự chuẩn bị bài và bố trí chỗ đánh bạc mà chỉ vì ham chơi nên cùng thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc, do vậy không xem xét xử lý về tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc đối với Nông Đức M và Nguyễn Thị P theo Điều 322 BLHS.

[6] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo*:

Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ, không có sự bàn bạc trước, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 5.960.000đ ở sát mức khởi điểm trong khung hình phạt nên cần có

mức án vừa đủ, phù hợp để các bị cáo cải tạo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Có 02 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Nên xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Đối với bị cáo Nông Đức M:* Trước khi phạm tội là Đảng viên là người có trình độ học vấn 12/12, biết hình thức cờ bạc bị pháp luật nghiêm cấm nhưng không lấy đó làm gương mẫu trong sinh hoạt và cuộc sống mà vẫn có hành vi phạm tội, bị cáo là người khởi sự, cầm đầu và trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 1.390.000đ, nên HĐXX thấy cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo với mức án cao hơn các bị cáo khác.

- *Đối với bị cáo Nguyễn Thị P:* Là người tiếp nhận và thực hiện ngay ý chỉ cho tệ nạn cờ bạc khi bị cáo Mạnh khởi sự, hành vi trực tiếp đi mua tú dùng cho việc đánh bạc và đưa các bị cáo khác đến nhà mẹ đẻ của mình để cùng nhau thực hiện việc đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc số tiền 1.400.000đ bị cáo Nguyễn Thị P đóng vai trò giúp sức sẽ phải chịu mức án tương xứng với hành vi của mình nhưng với mức án thấp hơn bị cáo M.

- *Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:* Là người có trình độ học vấn 12/12 biết đánh bạc là sai nhưng vẫn ủng hộ và tự nguyện tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất trong các bị cáo cùng tham gia đánh bạc là 2.000.000đ. Bị cáo chỉ tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn nhưng bị cáo T có nhân thân xấu ngày 20/02/2019 bị Công an huyện V, tỉnh H xử phạt hành chính số tiền 1.500.000,đ VND về hành vi đánh bạc bằng hình thức “Sóc đĩa”, nhưng nay lại phạm tội với lỗi cố ý đây không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nhưng cũng cần có một mức án tương xứng với hành vi cố ý vi phạm của bị cáo.

- *Đối với bị cáo Hoàng Thị Ph:* Bị cáo biết việc đánh bạc là nhà nước cấm, là tiếp tay cho tệ nạn cờ bạc trong xã hội phát triển, gây mất trật tự trị an chung nhưng vẫn trực tiếp tham gia đánh bạc số tiền 1.170.000đ số tiền thấp nhất trong số các bị cáo ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn hạn chế lớp 02/12 là các tình tiết được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên HĐXX xét thấy cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

[7] Các biện pháp ngăn chặn đối với các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo được cho hưởng án treo nên không tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với các bị cáo.

[8] Trong vụ án này còn có một số hành vi và đối tượng liên quan sau:

Đối với Nguyễn Thị T, sinh năm 1957, trú tại thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh H (là mẹ đẻ của Nguyễn Thị P), tại thời điểm bị cáo P dẫn các bị cáo khác đến và tham gia đánh bạc tại gian phòng ngủ của nhà bà T thì bà T đang ngủ trưa ở ghế tại gian phòng khách, nên không biết, không giúp sức và không được hưởng lợi nhuận gì từ các bị cáo, do vậy HĐXX không xem xét xử lý đối với Nguyễn Thị T.

[9] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo về hình phạt, xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo M, P, T, Ph tại phiên tòa thì các bị cáo đều là người dân lao động tự do, thu nhập không ổn định. Đối với bị cáo M là lao động chính, vợ bị cáo M không có công việc làm, hiện bị cáo M đang nuôi 01 con sinh năm 2019 và 02 con sinh đôi năm 2021 hoàn cảnh rất khó khăn. Đối với bị cáo Ph sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là người dân tộc thiểu số. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: - Đối với số tiền 5.960.000đ (*Năm triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xác định đây là công cụ phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (*một*) bộ tú lơ khơ 52 (*năm mươi hai*) quân, hai mặt trắng, xanh (*đã qua sử dụng*) là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Đối với bị cáo Nông Đức M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Hoàng Thị Ph sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ cận nghèo tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã được giải thích về việc thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý và được miễn án phí nhưng bị cáo Ph không có đơn đề nghị miễn nộp án phí, nên phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[13] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Đức M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T, Hoàng Thị Ph phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nông Đức M 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 8 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 8 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Ph 7 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nông Đức M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T về Ủy ban nhân dân xã Đ huyện V, tỉnh H giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Hoàng Thị Ph về Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, H giám sát, giáo dục.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.960.000đ (*Năm triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) bộ tú lơ khơ 52 (*năm mươi hai*) quân, hai mặt trắng, xanh (*đã qua sử dụng*).

(*Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/6/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V với Chi cục Thi hành án dân sự huyện V*).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Nông Đức M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T, Hoàng Thị Ph mỗi bị cáo chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện V
- VKSND tỉnh H;
- Cơ quan CSĐT Công an H. V;
- Sở tư pháp H;
- Phòng PV06 CA tỉnh H;
- Cơ quan THAHS Công an H. V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các bị cáo.
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Đạt